

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU TÂN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1305/CSTB-TCKT

Tây Ninh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

### CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

- Mã chứng khoán: RTB

- Địa chỉ/Address: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại liên hệ: (0276) 3875266

Fax: (0276) 3875307

- E-mail: tbrc@tabiruco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết hợp HDQT Công ty Cổ phần cao su Tân Biên quý IV/2022 ngày 07/11/2022.

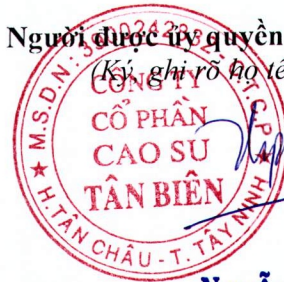
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/11/2022 tại đường dẫn: <http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

Nghị quyết số 262/NQ-HDQTCSTB  
ngày 7/11/2022, tờ trình số 1294/TTr-CSTB  
ngày 3/11/2022, tờ trình số 1298/TTr-CSTB  
ngày 4/11/2022

Người được ủy quyền Công bố thông tin  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Trần Thiên Phúc**

Số: 262 /NQ-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý IV/2022**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-HĐQTCSTB ngày 15/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty cổ phần cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-HĐQTCSTB ngày 24/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ Biên bản số 261 /BB-HĐQTCSTB ngày 04/11/2022 của HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2022 và ước thực hiện năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, với một số chỉ tiêu chính như sau:

| CHỈ TIÊU   | ĐVT        | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện 9 tháng | Ước thực hiện 03 tháng còn lại 2022 | Ước thực hiện 2022 | So sánh                     |                              |
|--|------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
|  |            |                   |                   |                                     |                    | TH 09 tháng/<br>KH năm 2022 | UTH Năm 2022/<br>KH năm 2022 |
|  |            | (1)               | (2)               | (3)                                 | (4)=(2)+(3)        | (5)=(2)/(1)                 | (6)=(4)/(1)                  |
| <b>1. Sản lượng cao su khai thác.</b><br>Trong đó: | <b>tấn</b> | <b>3.120</b>      | <b>2.615,44</b>   | <b>685,59</b>                       | <b>3.301,03</b>    | <b>83,83%</b>               | <b>105,8%</b>                |
| - Sản lượng Công ty tự khai thác                   | tấn        | 2.399             | 1.894,41          | 685,59                              | 2.580,00           | 78,97%                      | 107,55%                      |
| - Sản lượng nhượng bán quyền khai thác             | tấn        | 721               | 721,03            |                                     | 721,03             | 100,00%                     | 100%                         |
| <b>2. Cao su thu mua</b>                           | <b>tấn</b> | <b>1.200</b>      | <b>1.210,44</b>   | <b>300</b>                          | <b>1.510,44</b>    | <b>100,87%</b>              | <b>125,8%</b>                |
| <b>3. Cao su chế biến</b>                          | <b>tấn</b> | <b>3.599</b>      | <b>3.088,55</b>   | <b>985,59</b>                       | <b>4.074,14</b>    | <b>85,82%</b>               | <b>113,2%</b>                |
| <b>4. Cao su tiêu thụ</b>                          | <b>tấn</b> | <b>11.000</b>     | <b>12.436,95</b>  | <b>3.620,97</b>                     | <b>16.057,91</b>   | <b>113,06%</b>              | <b>145,9%</b>                |
| + Xuất khẩu và UTXK                                | tấn        | 4.200             | 5.382,72          | 1.955,52                            | 7.338,24           | 128,16%                     | 174,7%                       |
| + Nội tiêu   | tấn        | 6.800             | 7.054,23          | 1.665,45                            | 8.719,67           | 103,74%                     | 128,2%                       |
| <b>5. Doanh thu và lợi nhuận</b>                   |            |                   |                   |                                     |                    |                             |                              |

| CHỈ TIÊU                | ĐVT                      | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện 9 tháng | Ước thực hiện 03 tháng còn lại 2022 | Ước thực hiện 2022 | So sánh                  |                           |
|-------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------------|---------------------------|
|                         |                          |                   |                   |                                     |                    | TH 09 tháng/ KH năm 2022 | UTH Năm 2022/ KH năm 2022 |
|                         |                          | (1)               | (2)               | (3)                                 | (4)=(2)+(3)        | (5)=(2)/(1)              | (6)=(4)/(1)               |
| a. Tổng doanh thu       | Triệu đồng               | 530.010           | 637.863,58        | 130.706,71                          | 768.570,29         | 120,35%                  | 145%                      |
| b. Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng               | 121.900           | 142.079,67        | 7.696,81                            | 149.776,48         | 116,55%                  | 122,8%                    |
| c. Lợi nhuận sau thuế   | Triệu đồng               | 97.520            | 114.513,58        | 5.608,48                            | 120.122,06         | 117,43%                  | 123,1%                    |
| <b>6. Tiền lương</b>    |                          |                   |                   |                                     |                    |                          |                           |
| - Lao động bình quân    | Người                    | 1.179             | 1.015             | 1.130                               | 1.164              | 86,09%                   | 98,7%                     |
| - Tổng quỹ lương        | Triệu đồng               | 77.954            | 46.868,44         | 31.086                              | 77.954,10          | 60,12%                   | 100%                      |
| - Lương bình quân       | Triệu đồng/ người/ tháng | 5,51              | 5,13              | 9,17                                | 5,58               | 93,12%                   | 101,2%                    |

**Điều 2.** Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất Quý III năm 2022 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất Quý III năm 2022 của Công ty đã được đăng trên website: [www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn) chính thức của Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định.

**Điều 3.** Thống nhất thông qua Tờ trình 1294/TTr-CSTB ngày 03/11/2022 về việc xin chủ trương đầu tư bổ sung hạng mục công trình đầu tư XDCB năm 2022.

Giao Ban điều hành hoàn tất hồ sơ, trình Tập đoàn thỏa thuận điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 theo đúng quy định.

**Điều 4.** Thống nhất thông qua Tờ trình số 1298/TTr-CSTB ngày 04/11/2022 về việc xin chủ trương đầu tư các hạng mục công trình đầu tư XDCB năm 2023 ( các hạng mục công trình đầu tư theo Tờ trình đính kèm).

Giao Ban điều hành Công ty xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2023 ( trong đó có phần đầu tư các hạng mục công trình đầu tư XDCB năm 2023 đã được HĐQT thống nhất) để trình Tập đoàn thỏa thuận theo quy định.

**Điều 5.** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- BKS Cty;
- Các Phòng chức năng;
- Lưu: VT. TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Thị Bích Lợi

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc xin chủ trương đầu tư bổ sung các hạng mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-HĐTVCSVN ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc phân cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác do Công ty con, công ty liên kết, đơn vị sự nghiệp và đơn vị hạch toán phụ thuộc làm chủ đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 181/HDQTCSVN-KHĐT ngày 05/05/2022 của Hội đồng quản trị Tập đoàn CNCS Việt Nam về việc thỏa thuận Kế hoạch SXKD-Đầu tư XD CB năm 2022 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Căn cứ nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu cần sử dụng các công trình cấp thiết để phục vụ sản xuất tại đơn vị. Nay Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cao su Tân Biên xem xét thỏa thuận chủ trương đầu tư bổ sung hạng mục công trình xây dựng cơ bản năm 2022 với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Công trình Xây dựng Nhà vệ sinh tại Xí nghiệp CKCB (diện tích khoảng: 15,4 m<sup>2</sup>)
2. Tổng mức đầu tư: 183.393.000 đồng.

#### Ghi chú:

- Diện tích xây dựng và giá trị đầu tư sẽ được chuẩn xác trên cơ sở phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Công ty bổ sung các hạng trên vào kế hoạch sản xuất kinh doanh điều chỉnh năm 2022 của Công ty CP cao su Tân Biên.

#### **\* Lý do xin chủ trương đầu tư:**

Tại khu vực xưởng sản xuất chế biến mủ cao su tại Xí nghiệp CKCB hiện nay có 02 khu nhà vệ sinh (01 khu vệ sinh gần xưởng chế biến mủ kem và 01 khu vệ sinh gần Nhà bảo vệ, Nhà ăn XN. CKCB cũ). Hiện nay, khu nhà vệ sinh gần nhà bảo vệ, nhà ăn XN. CKCB cũ đã hư hỏng gần như toàn bộ, không sử dụng được. Vì vậy, không đáp ứng được nhu cầu phục vụ sinh hoạt của người lao động trong quá trình lao động sản xuất.

Từ tình hình thực tế trên việc đầu tư xây dựng 01 nhà vệ sinh tại Xí nghiệp CKCB hiện nay là thật sự cần thiết.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận nội dung trên để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng kính trình!

#### **Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Lưu VT, KHĐT.



**Trương Văn Cư**

## TỜ TRÌNH

### Về việc xin chủ trương đầu tư các hạng mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-HĐTVCSVN ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc phân cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác do Công ty con, công ty liên kết, đơn vị sự nghiệp và đơn vị hạch toán phụ thuộc làm chủ đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 653/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 24/10/2022 của Hội đồng quản trị Tập đoàn CNCS Việt Nam về việc xây dựng và trình duyệt Kế hoạch năm 2023.

Căn cứ nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu cần sử dụng các công trình cấp thiết để phục vụ sản xuất tại đơn vị. Nay Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cao su Tân Biên xem xét chủ trương đầu tư các hạng mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 như sau:

| STT         | Tên công trình   | ĐVT | Số lượng | Ghi chú           |
|-------------|--|-----|----------|-------------------|
| <b>A.</b>   | <b>Khối lượng đầu tư mới năm 2023</b>  |     |          |                   |
| <b>A.1</b>  | <b>Xây lắp</b>   |     |          |                   |
| 1           | Nhà làm việc Đội sản xuất (Đội 4)-NTCS Suối Ngô                                  | m2  | 132,5    | Xây mới           |
| 2           | Nhà làm việc Đội sản xuất (Đội 5)-NTCS Suối Ngô                                  | m2  | 132,5    | Xây mới           |
| 3           | Nhà làm việc Đội sản xuất (Đội 5)-NTCS Bỏ Túc                                    | m2  | 132,5    | Xây mới           |
| 4           | Nhà làm việc Đội sản xuất (Đội 1)-NTCS Xa Mát                                    | m2  | 132,5    | Xây mới           |
| 5           | Nhà làm việc Văn phòng NTCS Bỏ Túc   | Ctr | 1        | Xây mới           |
| 6           | Nhà ăn CB. CNV Văn phòng NTCS Bỏ Túc   | Ctr | 1        | Xây mới           |
| 8           | Xây dựng hệ thống xử lý tái sử dụng nước thải (công suất 180m3/ngày)             | Ctr | 1        | Xây mới           |
| 9           | Cải tạo, sửa chữa nhà xưởng (dây chuyền chế biến mù côm)                         | Ctr | 1        | Cải tạo, sửa chữa |
| 10          | Mở rộng cải tạo nhà xưởng cơ khí sửa chữa làm nhà kho chứa mù tại Xí nghiệp CKCB | m2  | 756      | Cải tạo, sửa chữa |
| 11          | Cải tạo sửa chữa Nhà ăn CBCNV Văn phòng ( cạnh sân tennis)                       | m2  | 169,00   | Cải tạo, sửa chữa |
| 12          | Cải tạo sửa chữa Nhà khách Văn phòng Công ty                                     | m2  | 183,75   | Cải tạo, sửa chữa |
| 13          | Cải tạo, sửa chữa Nhà ở tập thể văn phòng (2 căn cạnh nhà khách Công ty)         | Cái | 2,00     | Cải tạo, sửa chữa |
| 14          | Xây dựng Nhà để xe CB-CNV tại Văn phòng Công ty                                  | m2  | 264      | Xây mới           |
| 15          | Cải tạo sửa chữa đường lô tại các Nông trường                                    | km  | 7        | Cải tạo, sửa chữa |
| <b>A.2.</b> | <b>Mua sắm thiết bị</b>  |     |          |                   |
| 1           | Cân phân tích điện tử (04 số)  | cái | 1        | Đầu tư mới        |
| <b>B.</b>   | <b>Khối lượng đầu tư năm 2022 (chuyển sang 2023)</b>                             |     |          |                   |
| <b>B1.</b>  | <b>Xây lắp</b>   |     |          |                   |

| STT         | Tên công trình  | ĐVT | Số lượng | Ghi chú  |
|-------------|---|-----|----------|--|
| 1           | Công trình cải tạo hệ thống xử lý nước thải ( công suất 950 m3/ngày.đêm; tiêu chuẩn cột A – QCVN 01-MT:2015/BTNMT) - Năm 2022 chuyển sang | HT  | 1        | Đang làm hồ sơ xin giấy phép môi trường, Sở TNMT Tây Ninh đã tiếp nhận và đang xử lý |
| 2           | Công trình Cổng và hàng rào tại Văn phòng NTCS Bồ Túc - Năm 2022 chuyển sang  | Ctr | 1        | Do đang làm đường 794(giai đoạn 2) nên chuyển sang năm 2023                          |
| 3           | Công trình sửa chữa Nhà làm việc tại các Nông trường (NT Xa Mát, NT Tân Hiệp, NT Suối Ngô) - Năm 2022 chuyển sang                         | Ctr | 1        | Đang thi công, dự kiến quyết toán hoàn thành tháng 01/2023                           |
| 4           | Công trình xây dựng bể gạn mù tại NTCS Tân Hiệp và NTCS Suối Ngô  | Ctr | 1        |  |
| <b>B.2.</b> | <b>Thiết bị</b>   |     |          |  |
| 1           | Máy cán soạn mẫu cao su 02 trục (Năm 2022 chuyển sang)  | Cái | 1        | Đã ký hợp đồng, giao hàng trong tháng 01/2023  |

Ghi chú:

- Diện tích xây dựng và giá trị đầu tư sẽ được chuẩn xác trên cơ sở phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Ngoài các hạng mục đầu tư nêu trên trường hợp có phát sinh bổ sung thêm, Công ty báo cáo HĐQT Công ty và đưa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh – Đầu tư XDCB năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên trước khi trình Tập đoàn phê duyệt thỏa thuận.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định./

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Lưu VT, KHĐT.



**Trần Văn Toàn**